

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 305/2017/HSPT

Ngày: 20/10/2017

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

*Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai

Các Thẩm phán: Ông Tô Phú Đông

Ông Ngô Tấn Lợi

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Phạm Văn Tuấn Em – Thư ký  
Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà  
Nguyễn Kim Hóa - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 10 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét  
xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 274/2017/HSPT ngày 02 tháng 10 năm 2017  
đối với bị cáo Nguyễn N.

Do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số:  
36/2017/HSST ngày 24 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện T.

Bị cáo có kháng cáo:

**NGUYỄN N**

- Sinh năm 1981;
- HKTT và chỗ ở: Ấp A, xã T1, huyện T, tỉnh Đồng Tháp;
- Trình độ học vấn: 5/12;
- Nghề nghiệp: Sửa xe;
- Con ông Nguyễn V (đã chết) và con bà Nguyễn T2 (đã chết);
- Vợ tên: Võ Thị H, sinh năm 1979 và có một người con, sinh năm 2008;
- Tiền án, tiền sự: Không;
- Áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú: Ngày 22/3/2017;

- Bị cáo đang tại ngoại (có mặt tại phiên tòa).

*Ngoài ra, trong vụ án người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không kháng cáo và Viện kiểm sát không kháng nghị.*

### **NHẬN THẤY:**

*Theo cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện T và bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện T thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Vào khoảng 18 giờ ngày 11/12/2016, Nguyễn N đi bộ đến nhà Nguyễn Kim P ở ấp A, xã T1, huyện T, tỉnh Đồng Tháp, (N và P có mối quan hệ họ hàng, N gọi P bằng chị) hỏi mượn xe mô tô biển số 66M1-XXX.XX của chị P để đi ăn sinh nhật bạn tên Nguyễn Văn C ở xã N1, huyện C, tỉnh T3, N nói với chị P đến ngày 12/12/2016 N trả lại xe. Chị P đồng ý cho N mượn xe đồng thời giao giấy đăng ký xe cho N cất giữ. Sau khi đến nhà ông C dự sinh nhật xong, N điều khiển xe về nhà N ngủ. Đến sáng ngày 12/12/2017, ông Nguyễn Văn H1 gọi điện thoại cho N đòi số tiền 8.000.000 đồng mà N mượn để mua đồ sửa xe vào tháng 5 và tháng 6 năm 2016. Do không có tiền trả cho ông H1, N nảy sinh ý định đem xe mô tô biển số 66M1-XXX.XX đi cầm để trả nợ, đến khoảng 09 giờ ngày 12/12/2016 N điều khiển xe mô tô biển số 66M1- XXX.XX đến tiệm cầm đồ PM ở khóm B, thị trấn M, huyện T gặp anh H2 nói với anh H2 xe N mới mua lại của chị ruột chưa sang tên, kêu anh H2 cầm với giá 10.000.000 đồng. Anh H2 đồng ý cầm xe và viết biên nhận rồi giao tiền cho N, N cầm tiền xong giao giấy đăng ký xe và xe cho anh H2. Chị P nhiều lần gọi điện thoại cho N để đòi xe nhưng N không nghe máy, đến ngày 22/12/2016 chị P đi hỏi những người chơi chung với N biết được N đã đem xe đi cầm, đến ngày 23/12/2016 P trình báo sự việc đến Cơ quan Công an yêu cầu điều tra làm rõ, quá trình điều tra N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Bản kết luận định giá tài sản số 71 ngày 30/12/2016 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T kết luận: Xe mô tô nhãn hiệu Yamaha màu đỏ - đen, biển số 66M1- XXX.XX, số máy 5C64-YYYYYY, số khung 40CY-ZZZZZZ có giá trị 11.000.000 đồng vào thời điểm ngày 12/12/2016.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Nguyễn Kim P đã nhận lại xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, màu đỏ - đen, biển số 66M1-079.87 và một giấy đăng ký xe mô tô, xe máy số VVVVVV nên không yêu cầu gì thêm.

Đối với H2 là chủ cơ sở dịch vụ cầm đồ, H2 không biết xe mô tô biển số 66M1- XXX.XX N đem đến cầm là xe chiếm đoạt mà có nên không đề cập xử lý. Đồng thời, anh H2 đã nhận lại số tiền 10.000.000 đồng từ bị cáo N nên không có yêu cầu gì thêm.

Về vật chứng: Quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đã tạm giữ: Của H2 gồm: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, màu đỏ - đen, biển số 66M1- XXX.XX, số máy 5C64-YYYYYY, số khung 40CY-ZZZZZZ và một giấy đăng ký xe mô tô, xe máy số VVVVVV mang tên Nguyễn Kim P. Xét thấy không cần thiết tạm giữ, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đã trao trả cho bị hại P gồm: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, màu đỏ - đen, biển số 66M1- XXX.XX, số máy 5C64-YYYYYY, số khung 40CY-ZZZZZZ và một giấy đăng ký xe mô tô, xe máy số VVVVVV mang tên Nguyễn Kim P.

*Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 36/2017/HSST ngày 24/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện T đã quyết định:*

Tuyên bố: Bị cáo N phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 140; điểm b, h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo N, 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

*Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.*

Ngày 25 tháng 8 năm 2017, bị cáo N có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tỉnh Đồng Tháp, đề nghị: Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 248 Bộ luật tố tụng hình sự. Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo của bị cáo N, giữ nguyên quyết định bản án sơ thẩm về hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, lời khai bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

**XÉT THẤY:**

Bị cáo N và Nguyễn Kim P (người bị hại) có mối quan hệ bà con, bị cáo gọi P bằng chị. Vào chiều ngày 11/12/2016 bị cáo đến nhà chị P hỏi mượn xe mô tô biển số 66M1-XXX.XX để đi sinh nhật bạn tên Nguyễn Văn C tại xã N1, huyện C, tỉnh T3 và hẹn hôm sau trả xe. Chị P tin lời bị cáo cho mượn xe mô tô và giao giấy đăng ký xe mô tô cho bị cáo. Nhưng do có ý định chiếm đoạt xe mô tô của chị P nên sáng hôm sau bị cáo đem xe mô tô đến tiệm cầm đồ PM cầm 10.000.000đ để trả nợ và tiêu xài cá nhân. Xe mô tô của chị P mà bị cáo cầm theo định giá có giá trị là 11.000.000đ.

Xét thấy hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nhưng bị cáo thực hiện hành vi rất táo bạo, chiếm đoạt tài sản của người chị bà con. Trong khi bị cáo nhận biết được tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, bị cáo lại lợi dụng lòng tốt của người bị hại cầm xe mô tô để có tiền trả nợ và ăn xài theo sở thích cá nhân. Chị P không thấy bị cáo trả xe, điện thoại bị cáo lại không nghe máy nên 10 ngày sau mới báo công an để thu hồi lại xe và bị cáo mới mượn tiền của anh em để khắc phục lại cho chủ tiệm cầm đồ. Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến tài sản hợp pháp của công dân và gây mất trật tự trị an ở địa phương. Do đó, xét thấy cần có thời gian cải tạo giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, nhằm để bị cáo từ bỏ con đường phạm tội và có tác dụng phòng ngừa chung trong xã hội.

Án sơ thẩm xử bị cáo về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” là có căn cứ và đã xem hết các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo, mức hình phạt mà án sơ thẩm xử bị cáo là không nặng. Bị cáo kháng cáo xin giảm hình phạt và xin được hưởng án treo là không có căn cứ để chấp nhận. Ngoài ra bị cáo cũng không xuất trình được tình tiết mới ngoài các tình tiết mà án sơ thẩm đã xem xét. Do đó, không chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt và xin hưởng án treo của bị cáo. Giữ nguyên quyết định bản án sơ thẩm về hình phạt là phù hợp với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Do kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 248 Bộ luật tố tụng hình sự.

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo của bị cáo N. Giữ nguyên quyết định bản án sơ thẩm về hình phạt.

Tuyên bố: Bị cáo N phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 140; điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo N 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt.

Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Về án phí: Bị cáo N phải chịu 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

***Nơi nhận:***

- VKSND Tỉnh;
- Ban Nội chính Tỉnh ủy;
- Sở Tư pháp Tỉnh;
- TAND H. T;
- Chi cục THADS H. T;
- Trại Tạm giam Công an Tỉnh;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an Tỉnh;
- Phòng KTNV-THA TA Tỉnh;
- Bị cáo;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án (T. Em).

**(Đã ký)**

**Nguyễn Thị Mai**

